**HỘI THẢO**

LẤY Ý KIẾN DOANH NGHIỆP DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI

LUẬT CHỨNG KHOÁN; LUẬT KẾ TOÁN; LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VÀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

**NỘI DUNG THAM LUẬN**

***Ông Bùi Ngọc Tuấn***

*Phó Tổng Giám đốc Tư vấn Thuế*

*Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam*

**Kính gửi: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)**

Luật Quản lý thuế lần đầu được ban hành vào năm 2006 và có hiệu lực từ 01/07/2007, sau đó đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2012. Sau hơn một thập kỷ phát triển, Luật đã được xây dựng và thông qua lần thứ hai vào năm 2019, có hiệu lực từ 01/07/2020. Những thay đổi này đã thúc đẩy sự minh bạch trong quản lý thuế, nâng cao hiệu quả chống gian lận thuế và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế - xã hội thay đổi nhanh chóng, một số vấn đề vướng mắc vẫn tồn tại, đặc biệt là trong quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và nền tảng số.

Với mục tiêu tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý thuế, Bộ Tài chính đã xác định cần sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế, cùng với các Luật tài chính – ngân sách khác. Trong bài tham luận này, chúng tôi sẽ thảo luận bốn vấn đề vướng mắc trong công tác quản lý thuế, đồng thời đưa ra các đề xuất sửa đổi để đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với xu thế cải cách thuế quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

1. **Về hiện đại hóa công tác quản lý thuế**

Để thúc đẩy hiện đại hóa công tác quản lý thuế (bao gồm hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, phân tích phân loại các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý thuế), Điều 6, Dự thảo Luật sửa đổi 7 luật đã đề xuất làm rõ nguồn lực tài chính được bố trí từ Ngân sách Nhà nước là không quá 0,5% trên dự toán thu Ngân sách Nhà nước được Quốc hội giao hằng năm.[[1]](#footnote-1)

Đối với nội dung nêu trên, chúng tôi cho rằng cần phải làm rõ các yếu tố sau:

* **Cơ sở xác định tỷ lệ 0,5% trên dự toán thu Ngân sách Nhà nước**: Cần làm rõ nguyên tắc, cơ sở tính toán và các tiêu chí để xác định mức ngân sách này có hợp lý và đủ để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế hay không. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ và yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý thuế, đồng thời đảm bảo lợi ích công bằng cho người nộp thuế.
* **Thông tin về Ngân sách Nhà nước giao hàng năm**: Cần có cơ chế công khai thông tin rõ ràng về nguồn ngân sách Nhà nước được giao hàng năm, để người nộp thuế có thể theo dõi và đánh giá cách thức sử dụng nguồn ngân sách này, từ đó thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách cho công tác quản lý thuế.
* **Phê duyệt khi nguồn lực tài chính vượt ngưỡng**: Trong trường hợp nguồn lực tài chính cần thiết để hiện đại hóa công tác quản lý thuế vượt quá tỷ lệ 0,5%, cần có cơ chế rõ ràng xác định cơ quan cấp nào sẽ phê duyệt, cũng như quy trình để đảm bảo sự minh bạch, trách nhiệm trong việc sử dụng nguồn lực tài chính. Điều này sẽ giúp tăng cường niềm tin của người nộp thuế vào việc sử dụng ngân sách Nhà nước hiệu quả và đúng mục đích.

Với các đề xuất trên, chúng tôi kỳ vọng sẽ góp phần làm rõ hơn quy trình sử dụng ngân sách cho công tác quản lý thuế, đồng thời bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, đảm bảo một môi trường thuế minh bạch và hiệu quả hơn.

1. **Về thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế**

Quy định hiện hành về Luật Quản lý thuế hướng dẫn đối với trường hợp việc chậm ban hành quyết định hoàn thuế do lỗi của cơ quan quản lý thuế thì ngoài số tiền thuế phải hoàn trả, cơ quan quản lý thuế còn phải trả tiền lãi với mức 0,03%/ngày tính trên số tiền phải hoàn trả và số ngày chậm hoàn trả. Nguồn tiền trả lãi được chi từ ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.[[2]](#footnote-2)

Mặc dù quy định hiện hành đã đề cập mức tính lãi cụ thể trong trường hợp chậm ban hành quyết định hoàn thuế do lỗi của cơ quan quản lý thuế, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về thẩm quyển, trình tự, thủ tục hoàn trả tiền lãi cho người nộp thuế và kinh phí chi trả nên hiện nay cơ quan thuế chưa có cơ sở để triển khai thực hiện.

Trong khi đó, quy định Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, khoản tiền lãi phải trả cho NNT được tính theo lãi suất phát sinh do chậm trả tiền trong trường hợp không có thỏa thuận theo quy định của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường.[[3]](#footnote-3)

Do quy định về mức lãi phải trả tại 02 văn bản quy phạm pháp luật có sự không thống nhất, Điều 6, Dự thảo Luật sửa đổi 7 luật đề xuất các yêu cầu bồi thường của người nộp thuế liên quan đến tiền lãi phải trả của cơ quan thuế thực hiện theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

Trên thực tế chúng tôi nhận thấy điều kiện thi hành quy định về bồi thường của cơ quan Nhà nước theo quy định tại Điều 8, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, là rất phức tạp và gắn liền với cơ sở yêu cầu bồi thường từ những quyết định của cơ quan hành pháp, do vậy là không khả thi đối với người nộp thuế.

1. **Về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số**
   1. **Về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số**

Điều 6 trong Dự thảo Luật sửa đổi 7 Luật đề xuất yêu cầu các nhà cung cấp nước ngoài có thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số tại Việt Nam phải trực tiếp đăng ký thuế, kê khai, tính nộp thuế tại Việt Nam hoặc ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện các nghĩa vụ này. Đồng thời, dự thảo cũng bổ sung vào Khoản 2, Điều 2 của Luật thuế TNDN sửa đổi định nghĩa về người nộp thuế tại Việt Nam bao gồm cả các doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam.

**Khó khăn và tranh cãi tiềm ẩn:**

Việc đưa ra quy định này có thể dẫn đến một số khó khăn trong việc thực thi và có thể gây tranh cãi. Trước hết, việc đánh thuế đối với các doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, nhưng lại có thu nhập từ các dịch vụ kinh doanh điện tử và nền tảng số tại Việt Nam, có thể không phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ quốc tế, cũng như các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (DTA) mà Việt Nam đã ký kết.

Chúng ta cần làm rõ hơn về cơ sở pháp lý và cách thức xác định thu nhập từ các hoạt động này, đồng thời xem xét các cam kết quốc tế của Việt Nam đối với việc tránh đánh thuế hai lần, để đảm bảo không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của DTA. Việc nắm rõ các hiệp định quốc tế này là rất quan trọng để tránh những tranh chấp hoặc áp dụng chính sách thuế không đúng đắn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ với các quốc gia đối tác và doanh nghiệp quốc tế.

**Quyền đánh thuế trong bối cảnh BEPS 2.0:**

Thực tế, trong khuôn khổ BEPS 2.0, Trụ cột 1 đã đưa ra các nguyên tắc phân bổ quyền đánh thuế đối với các doanh nghiệp đa quốc gia có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ đến người tiêu dùng tại các quốc gia mà doanh nghiệp đó không có sự hiện diện trực tiếp. Theo đó, Việt Nam có quyền đánh thuế một phần lợi nhuận của các doanh nghiệp đa quốc gia có hoạt động cung cấp dịch vụ đến người tiêu dùng tại Việt Nam thông qua các nền tảng kỹ thuật số. Quyền đánh thuế này không yêu cầu sự hiện diện trực tiếp của doanh nghiệp tại Việt Nam, qua đó mở rộng quyền lực thu thuế của Việt Nam đối với các doanh nghiệp quốc tế trong lĩnh vực kinh tế kỹ thuật số.

Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định hiện tại theo Dự thảo Luật sửa đổi 7 Luật có thể bị coi là hình thức tương đương với thuế dịch vụ kỹ thuật số (Digital Services Tax - DST) của các quốc gia khác. Điều này có thể dẫn đến việc Việt Nam cần phải xem xét lại các cam kết quốc tế của mình, đặc biệt trong trường hợp Việt Nam tham gia Công ước về Trụ cột 1 của BEPS 2.0. Nếu Việt Nam ký kết và phê duyệt Công ước này, việc áp dụng các hình thức DST hoặc các loại thuế tương tự sẽ cần phải được loại bỏ, nhằm tránh trùng lặp và bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế.

**Khuyến nghị đối với quản lý thuế của hộ kinh doanh, cá nhân:**

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật sửa đổi cũng đề cập đến các tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc các nền tảng số có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế thay cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nếu họ không có nghĩa vụ nộp thuế trực tiếp. Điều này có thể giúp giảm thiểu thủ tục hành chính cho các hộ kinh doanh nhỏ và các cá nhân kinh doanh, nhưng cũng cần có các hướng dẫn chi tiết và cụ thể hơn về việc xác định các đối tượng phải khai thuế thay và các thủ tục đi kèm.

Từ góc độ người nộp thuế, chúng tôi đề nghị cần làm rõ các quy định liên quan đến trách nhiệm của các tổ chức quản lý sàn giao dịch và nền tảng số để bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, đồng thời giảm thiểu rủi ro về sự thiếu minh bạch hoặc sai sót trong việc khai thuế và nộp thuế thay.

* 1. **Về việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác**

Về vấn đề áp dụng hóa đơn điện tử đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác, các khuyến nghị sau đây có thể hỗ trợ làm rõ và hoàn thiện quy định trong Dự thảo Luật sửa đổi 7 Luật:

1. **Làm rõ quy định áp dụng hóa đơn điện tử với tổ chức, cá nhân nước ngoài:**

Hiện nay, Dự thảo Luật sửa đổi 7 Luật đưa ra quy định chung về việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc áp dụng hóa đơn điện tử cho các nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) thực hiện kinh doanh tại Việt Nam cần được làm rõ hơn.

Cụ thể, để đảm bảo tính minh bạch, công bằng, và phù hợp với pháp luật thuế GTGT của Việt Nam, nên bổ sung quy định về quy trình đăng ký mẫu hóa đơn điện tử cho nhà cung cấp nước ngoài. Quy trình này có thể được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, nơi các nhà cung cấp nước ngoài có thể đăng ký mẫu hóa đơn điện tử của mình với cơ quan thuế Việt Nam. Sau khi được chấp thuận, tổ chức kinh doanh tại Việt Nam có thể sử dụng các hóa đơn này như hóa đơn đầu vào để khấu trừ thuế GTGT.

1. **Chấp thuận hóa đơn của NCCNN làm hóa đơn đầu vào để khấu trừ thuế GTGT:**

Điều quan trọng là cần có cơ chế cho phép các hóa đơn điện tử của NCCNN đã đăng ký với cơ quan thuế Việt Nam được sử dụng như là hóa đơn hợp lệ để khấu trừ thuế GTGT đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam. Điều này không chỉ giúp đảm bảo tính hợp pháp của hóa đơn mà còn giúp người nộp thuế giảm thiểu rủi ro khi xác minh tính hợp lệ của hóa đơn.

Khuyến nghị: Nên bổ sung một quy định rõ ràng trong Dự thảo Luật sửa đổi 7 Luật để các tổ chức, cá nhân nước ngoài đã đăng ký nộp thuế tại Việt Nam thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế có thể đăng ký mẫu hóa đơn bán hàng và chấp thuận việc sử dụng mẫu hóa đơn này làm hóa đơn đầu vào cho các tổ chức kinh doanh tại Việt Nam.

1. **Đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quy định về hóa đơn điện tử:**

Để quy định này có hiệu quả thực tiễn, cần đảm bảo các tổ chức nước ngoài sẽ được hướng dẫn cụ thể về quy trình đăng ký mẫu hóa đơn điện tử, các yêu cầu về nội dung hóa đơn, các tiêu chí về việc đảm bảo tính hợp lệ của hóa đơn điện tử để khấu trừ thuế GTGT tại Việt Nam. Việc này cũng giúp giảm thiểu tình trạng hóa đơn giả, hóa đơn không hợp lệ hoặc thiếu sót thông tin cần thiết trong quy trình thanh toán và kê khai thuế.

1. **Tương thích với thông lệ quốc tế về hóa đơn điện tử và thương mại điện tử:**

Ngoài việc đáp ứng yêu cầu pháp lý trong nước, việc công nhận hóa đơn điện tử của NCCNN cũng cần hài hòa với các quy định quốc tế về thương mại điện tử, tránh tạo ra rào cản trong việc giao dịch thương mại quốc tế. Đây là một yếu tố quan trọng, giúp Việt Nam gia tăng sức cạnh tranh và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà cung cấp quốc tế khi tham gia vào các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

1. **Về việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**

Về việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, các đề xuất trong Dự thảo Luật sửa đổi 7 Luật đã đưa ra các biện pháp như "Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên" và "Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nắm giữ". Tuy nhiên, để đảm bảo tính minh bạch, giảm thiểu tranh chấp pháp lý, và tăng cường hiệu quả công tác cưỡng chế, cần bổ sung các quy định rõ ràng về các cơ sở thông tin, điều kiện thực hiện cưỡng chế và trách nhiệm của các bên liên quan.

**Các khuyến nghị bổ sung:**

* **Làm rõ các thông tin, điều kiện cần thiết để thực hiện biện pháp cưỡng chế:**

Để việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế được thực hiện một cách hiệu quả và tránh các tranh chấp pháp lý, cần phải bổ sung quy định về cơ sở xác định các thông tin và điều kiện cần thiết để áp dụng biện pháp cưỡng chế, đặc biệt đối với biện pháp "Kê biên tài sản" và "Thu tiền, tài sản từ bên thứ ba". Các thông tin và điều kiện này bao gồm:

* **Thông tin tài sản và tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế**: Cơ quan thuế cần có thông tin đầy đủ về tài sản, tài khoản ngân hàng, hoặc các tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế.
* **Thực trạng tài sản và khả năng chuyển nhượng**: Đánh giá khả năng tài sản có thể bị kê biên và bán đấu giá để thu hồi nợ thuế.
* **Thông tin về người giữ tài sản**: Nếu biện pháp cưỡng chế liên quan đến việc thu tiền hoặc tài sản từ bên thứ ba, cần có quy định rõ ràng về nghĩa vụ của bên thứ ba trong việc phối hợp với cơ quan thuế, cũng như các quyền lợi, nghĩa vụ của bên thứ ba đó trong quá trình cưỡng chế.

Khuyến nghị: Cần bổ sung một điều khoản trong Dự thảo Luật quy định cơ chế thu thập, xác minh và cập nhật thông tin tài sản, cùng với các điều kiện thực tế (như việc bên thứ ba có giữ tài sản) để làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế.

* **Trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình cưỡng chế:**

Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế, đặc biệt là các biện pháp như kê biên tài sản hoặc thu tài sản từ bên thứ ba, cần làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan, bao gồm cơ quan thuế, đối tượng bị cưỡng chế, và bên thứ ba nắm giữ tài sản. Việc này giúp tránh được các tranh chấp pháp lý và nâng cao hiệu quả cưỡng chế.

* **Giải pháp hạn chế tranh chấp pháp lý:**

Để giảm thiểu tranh chấp pháp lý có thể phát sinh trong quá trình cưỡng chế, Dự thảo Luật cần có các quy định về việc giải quyết tranh chấp trong trường hợp các bên liên quan không thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc có tranh chấp về tính hợp pháp của các biện pháp cưỡng chế. Điều này có thể bao gồm việc xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

\*\*\*\*\*

Trên đây là bài tham luận của Chúng tôi về các đề xuất sửa đổi Luật quản lý thuế trong Dự thảo Luật sửa đổi 7 Luật tài chính – ngân sách, Chúng tôi kính đề nghị Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xem xét và đưa các ý kiến trên lên các cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Luật, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi chính sách thuế hiệu quả, công bằng và minh bạch hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

1. Điều 6, Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia [↑](#footnote-ref-1)
2. Điều 75, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được thông qua ngày 13/6/2019 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2020 [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 4, Điều 23, Khoản 2, Điều 22, Luật Trách nhiệm bồi thường số 10/2017/QH14 được thông qua ngày 20/6/2017 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2018 [↑](#footnote-ref-3)